

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **118/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: **11/02/2026**

V/v: Xin ly hôn giữa chị *Trương Thị H*
và anh *Nguyễn Tiến N*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Tự Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Mai và bà Lê Thị Thu Hạnh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên- Cán bộ
Toà án nhân dân khu vực 11- Hà Nội.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hà Nội tham gia phiên
toà:** Bà Nguyễn Hoàng Phương - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11- Hà Nội
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 332/2025/TLST-
HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXX ngày 07/01/2026 và Quyết định hoãn phiên
toà số 26/2026/QĐ- HPT ngày 22/01/2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Trương Thị H, sinh năm 1981**

Nơi thường trú và trú tại: Xóm X, thôn Q, xã V, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội
nay là xã Đ, TP. Hà Nội.

(Chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

*** Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến N, sinh năm 1975**

Nơi thường trú: Đường X, tổ Y, khu phố Z, phường M, quận 10, thành phố Hồ
Chí Minh nay là thành phố Hồ Chí Minh

Trú tại: Xóm X, thôn Q, xã V, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội nay là xã Đ, TP.
Hà Nội.

(Anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Trương Thị H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Trước khi kết hôn tôi và anh N chưa ai có vợ, có chồng. Sau khi kết hôn chúng tôi sống tại nhà đất của bố mẹ đẻ tôi cho riêng tôi tại xóm 3, thôn Quỳnh Đô, xã Đại Thanh, Hà Nội cho đến nay.

Quá trình chung sống, chúng tôi sống hòa thuận được 03 năm đầu sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp tính cách, bất đồng trong quan điểm sống, bất đồng trong cách sống, cách nuôi dạy con. Anh N là lái xe đường dài nên thường xuyên đi vắng, không quan tâm chăm sóc gia đình vợ con, không phụ giúp tôi công việc gia đình, không phụ giúp tôi về kinh tế. Anh N thường xuyên tụ tập bạn bè cờ bạc chèo, thường xuyên đi qua đêm có những hôm đi đến sáng mới về. Tôi và cả gia đình tôi cũng đã trao đổi với anh N nhiều lần nhưng anh N không thay đổi bản thân, không thay đổi cách sống nên lâu dần khiến tôi không còn tình cảm với anh N. Vợ chồng tôi đã sống ly thân khoảng mấy năm nay, việc ai người đó làm, không quan tâm chăm sóc nhau, không ăn uống sinh hoạt gia đình cùng nhau.

Nay tôi xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh N.

- Về con chung: Tôi và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 22/4/2016.

Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Tôi có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu T vì cháu là con gái đang ở độ tuổi dậy thì cần có sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Tôi làm công nhân may gần nhà nên thu nhập ổn định khoảng 7.000.000 đồng/tháng tuy nhiên đây là xưởng may tư nhân nên không có con dấu để xác nhận cho tôi, tôi có thời gian đưa đón, chăm sóc cho con. Hiện cả gia đình tôi đang ở nhà đất của mẹ đẻ tôi cho tại xóm 3, thôn Quỳnh Đô, xã Đại Thanh, Hà Nội, nhà ở ổn định rộng khoảng 50m². Anh N quê ở TP Hồ Chí Minh, bố mẹ đẻ anh N đã chết từ lâu, không có nhà đất trong đó, không có nhà ở nào khác, anh N đang phải ở tại nhà của bố mẹ tôi cho tôi. Anh N là lái xe nên thường xuyên đi vắng, không có thời gian quan tâm chăm sóc, dạy bảo con. Những ngày anh N ở nhà khi con học bài anh N thường mở điện thoại để giải trí rất to, ảnh hưởng đến việc học tập của con.

Dù tôi và con đều có ý kiến nhưng anh N vẫn không thay đổi. Thu nhập của anh N không ổn định. Do vậy việc con ở với anh N sẽ không bảo đảm sự phát triển toàn diện cho cháu.

- Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ: Tôi và anh N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn là anh Nguyễn Tiến N, trong quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để Toà án giải quyết vụ án, tiếp cận và công khai chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ, tài liệu, thông báo về phiên hoà giải về việc chị Trương Thị H xin ly hôn nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do***

Tại phiên toà:

- Chị Trương Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt
- Anh Nguyễn Tiến N vắng mặt không có lý do
- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:
 - Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật
 - Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự:
 - + Nguyên đơn chấp hành, đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự
 - + Bị đơn không chấp hành đầy đủ, không có mặt, không đưa ra các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình

* Về nội dung vụ án: Chị H và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, anh chị chung sống hạnh phúc bình thường khoảng được vài năm đầu tiên thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng quan điểm về nhiều mặt trong cuộc sống. Anh N làm công việc lái xe nên thường xuyên đi vắng nhà nhiều ngày, ít quan tâm đến vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết

326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị H. Chị Trương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Tiến N

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 22/4/2016 để chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ghi nhận tự nguyện của chị H không yêu cầu anh N đóng góp phí tổn nuôi con

- Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trương Thị H xin ly hôn anh Nguyễn Tiến N, có nơi cư trú tại: Xóm 3 thôn Quỳnh Đô, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội nay là xã Đại Thanh, TP. Hà Nội. Toà án nhân dân khu vực 11- Hà Nội thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

- Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật, bị đơn là anh Nguyễn Tiến N đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết vụ án, để tham gia phiên hoà giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh N đều vắng mặt. Ngày 22/01/2026, Toà án đã mở phiên toà lần thứ nhất để xét xử vụ án nhưng anh N vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà và ấn định xét xử vào ngày 11/02/2026. Tại phiên toà ngày 11/02/2026, anh N vẫn vắng mặt không có lý do, xét thấy đây là lần thứ hai anh N vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ, đồng thời chị H cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh N theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trương Thị H và anh Nguyễn Tiến N được tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn ngày 07/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Quỳnh. Đây là một hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị H và anh N chung sống hạnh phúc bình thường khoảng vài năm đầu tiên thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng quan điểm về nhiều mặt trong cuộc sống. Anh N làm công việc lái xe nên thường xuyên đi vắng nhà nhiều ngày, ít quan tâm đến vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay

Quá trình giải quyết vụ án, anh N không có bất cứ lời khai nào, không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mà có thái độ chống đối, không hợp tác với Cơ quan pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho mình theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh N đã được Tòa án tạo điều kiện để tham gia phiên hoà giải nhưng đều vắng mặt không có lý do cho thấy anh N không có mong muốn đoàn tụ với chị H. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N là trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn được. Vì vậy Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống chung giữa chị H và anh N không có hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh N là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận

*** Về con chung:** Chị H và anh N có 01 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 22/04/2016

Xét việc chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên là quyền và trách nhiệm của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung vì chị có công việc ổn định, có thu nhập và có chỗ ở để nuôi dạy con tốt. Bản thân cháu T cũng có nguyện vọng ở cùng chị H. Hội đồng xét xử nhận thấy nguyện vọng của chị H và cháu T là chính đáng và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Do đó giao chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T thời gian kể từ tháng 02/2026 đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh N đóng góp phí tổn nuôi con. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con đối với anh N cho đến khi chị H có yêu cầu. Anh N có quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

Quá trình giải quyết vụ án cho đến khi Toà án công khai chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh N không có yêu cầu phản tố nên Toà án không xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện đến Toà án bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

*** Về án phí:** Chị Trương Thị H phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị H. Chị Trương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Tiến N.

2. Về con chung: Xác nhận hai bên có 01 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 22/4/2016

Giao chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh T, thời gian kể từ tháng 2/2026 đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh N đóng góp phí tổn nuôi con. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh N cho đến khi chị H có yêu cầu.

Anh N có quyền gặp gỡ, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản

3. Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Nếu phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện đến Toà án bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật

4. Về án phí: Chị Trương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm đã nộp được trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012482 ngày 20/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND khu vực 11- Hà Nội
- Phòng THADS khu vực 11- Hà Nội
- UBND xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì,
(nay là xã Đại Thanh) TP. Hà Nội) số 19,
quyển số 01/2014 ngày 07/02/2014
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Tự Hiếu